

Bản án số: 193/2020/HS-ST
Ngày 29 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Năm

Ông Dương Cao Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 197/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; sinh ngày 06 tháng 11 năm 1982, tại Hải Phòng; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã H, huyện D, Thành phố P; chỗ ở: 314/86/23 đường L, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị N; chồng tên Nguyễn Đức N (đã ly hôn) và có 02 con: con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Anh Trương Văn T, sinh năm: 1990; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: 259A đường P, phường C, thành phố T, tỉnh L; chỗ ở: 018 Lô I Chung cư D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H và anh Trương Văn T có quan hệ quen biết với nhau và cùng thuê trọ tại nhà số 018 Lô I, chung cư D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng

khác phòng. Vào khoảng 07 giờ 47 phút, ngày 14/7/2020, H thấy cửa phòng ngủ của anh T không khép nên qua phòng T với ý định mượn tai nghe điện thoại để sử dụng, nhưng không thấy anh T trong phòng. Lúc này, H thấy trong phòng có 01 túi xách đeo chéo màu đen có dây kéo khóa chưa kín nên H lại gần lấy túi xách lên xem và phát hiện bên trong có 01 xấp tiền gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nên H nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên. Thực hiện ý định trên, H dùng tay phải cầm lấy xấp tiền rồi cho vào giỏ xách màu đỏ của mình rồi kéo túi xách của anh T lại để trên giường như cũ. Sau đó, H đi làm tại tiệm tóc và nail số 42-43 đường H, phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, H đã lấy ra 4.800.000 đồng để trả cho chị Hoa (không rõ lai lịch), số tiền còn lại H cất trong tủ nơi H làm việc.

Phát hiện bị mất trộm số tiền 27.000.000 đồng trong túi xách, anh T đã kiểm tra lại camera và phát hiện thời điểm trên chỉ có Nguyễn Thị H vào phòng mình nên đã trình báo Công an Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Khi lấy tiền của anh T thì H không kiểm tra xem có bao nhiêu tiền. Đến khi H kiểm tra số tiền còn lại trong tủ nơi làm việc thì mới biết là có 22.200.000 (hai mươi hai triệu hai trăm ngàn) đồng và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả cho anh Trương Minh T số tiền trên cùng vật chứng là 01 túi đeo chéo bằng vải màu đen, kích thước 60x20cm.

Đối với 01 USB hiệu Kingstone, dung lượng 2GB do anh T giao nộp. Anh T không yêu cầu nhận lại tài sản này.

Về trách nhiệm dân sự: đến nay bị cáo đã trả đủ cho bị hại Trương Văn T số tài sản bị chiếm đoạt là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại bản Cáo trạng số 189/CT-VKS ngày 21/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét. Về vật chứng, 01 USB hiệu Kingstone, dung lượng 2GB do anh T không có yêu cầu nhận lại nên tiếp tục lưu hồ sơ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào lúc 07 giờ 47 phút, ngày 14/7/2020, tại nhà số 018 Lô I, chung cư D, Phường X, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thị H có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng của anh Trương Văn T, hành vi của bị cáo đã kịp thời bị phát hiện.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại một phần cho bị hại thuộc trường hợp “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét đối với bị cáo.

[6] Do bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo không có tình tiết

tăng nặng, nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: 01 USB hiệu Kingstone, dung lượng 2GB do anh T giao nộp nay anh T không có yêu cầu nhận lại nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại đủ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, và bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với người phụ nữ tên Hoa đã nhận số tiền trả nợ 4.800.000 (bốn triệu tám trăm ngàn) đồng của bị cáo, đây là số tiền bị cáo trộm cắp mà có, do không rõ lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý nên không đề cập giải quyết.

[11] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB hiệu Kingstone, dung lượng 2GB được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 bảo quản trong một bì thư niêm phong, dán kín và được đánh số bút lục 67.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc